

Số : Đ/KH-NK

Quận 12, ngày 25 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện 3 công khai
Năm học 2021 - 2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến lập Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2021-2022 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh hoàn thành bậc tiểu học (theo Biểu mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định nhà trường:



Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 08).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2021-2022 cho phòng Giáo dục và Đào tạo trước 01/10/2021.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có).

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021-2022 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Q12 (để báo cáo);
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Khuu Trọng Đan



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021 – 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 13 /KH-NK ngày 25 tháng 10 năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	Số 5.53 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	5411	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2928	
VI	Tổng diện tích các phòng	2316	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	72
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	540
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	2	96
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	48
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	2	120
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	24
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	6	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ/lớp



2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng tương tác	3	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	250

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 12 ngày 25 tháng 10 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Khru Trọng Đan

12 T
HOC
HUEI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2021 – 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 13 KH-NK ngày 25 tháng 10 năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60		2	38	9	4	7	13	16	20	41	08		
I	Giáo viên	46			36	8	2		13	16	20	38	08		
	Trong đó:														
1	Số giáo viên nhiều môn	31			28	2	2		8	10	13	25	6		
2	Ngoại ngữ	6			5	1			2	2	2	5	1		
3	Tin học	2			1	1			2			2			
4	Âm nhạc	2				2				2		2			
5	Mỹ thuật	2				2				2		2			
6	Thể dục	3			3				1		2	2	1		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1						3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
III	Nhân viên	11			1		2	9							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Nhân viên y tế	1					1								
4	Nhân viên thư viện	1						1							
5	Nhân viên thiết bị														
6	Nhân viên phục vụ	4						4							
7	Nhân viên bảo vệ	3						3							

Quận 12, ngày 25 tháng 10 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Khưu Trọng Đan

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 – 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 13 /KH-NK ngày 25 tháng 10 năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	988	215	210	215	206	142
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	988	215	210	215	206	142
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	988	215	210	215	206	142
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	819	181	177	171	177	113
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	169	34	33	44	29	29
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	974	215	210	215	206	142
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	736	163	159	173	157	84
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	243	45	50	42	48	58
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	9	7	01	/	01	/
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	998	215	210	215	206	142
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	969	208	209	215	205	142
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	409	124	95	85	60	45
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	145	23	09	46	35	32
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	09	07	01	/	01	/

Quận 12, ngày 25 tháng 10 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Khưu Trọng Đan

THÔNG BÁO

Biểu mẫu 05

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2021 - 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-NK ngày tháng 10 năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Khuyến)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo kế hoạch, độ tuổi quy định	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4	Hoàn thành chương trình lớp 5
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT2018.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.	Chương trình Giáo dục bậc Tiểu học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc	Duy trì thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với CMHS. - Học tập nghiêm túc
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể	Tổ chức tốt hoạt động NGLL và các hoạt động sinh hoạt tập thể
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên	- 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất - 100% học sinh đạt về phẩm chất. - 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình tiểu học	Học tiếp chương trình THCS

Quận 12, ngày 25 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Khưu Trọng Đan